

KINH TẾ - XÃ HỘI**KINH TẾ MỸ NĂM 2006
TÌNH HÌNH VÀ TRIỂN VỌNG**

ThS. Nguyễn Ngọc Mạnh
Viện nghiên cứu châu Mỹ

Nền kinh tế Mỹ trong thời gian gần đây đã khiến cho nhiều nhà quan sát lúng túng do tính chất đối nghịch của các hiện tượng. Tốc độ tăng trưởng kinh tế chậm lại với những bước thăng trầm. Thị trường nhà đất đóng băng đã tác động mạnh tới nền kinh tế. Trong khi đó, Cục Dự trữ Liên bang (Fed) thực hiện chiến dịch tăng lãi suất nhưng đồng đôla Mỹ vẫn tiếp tục bị mất giá.

Kinh tế tăng trưởng chậm với những bước thăng trầm

Nền kinh tế Mỹ năm 2006 có thể chia làm hai giai đoạn rõ rệt. Trong sáu tháng đầu năm mức tăng trưởng kinh tế tương đối cao và ổn định. Tuy nhiên, giai đoạn nửa cuối năm 2006 tốc độ tăng trưởng đã bị chậm lại do tác động của nhiều nhân tố, cả trong nước và ngoài nước.

Kinh tế Mỹ tăng trưởng vững chắc trong nửa đầu năm 2006 với mức tăng GDP trong quý I là 5,6%, cao hơn mức dự báo trước đó là 5,3%, song rủi ro vẫn lớn do xu hướng giá dầu vào tăng lên, đặc biệt là giá dầu mỏ. Mức tăng trưởng 5,6% của quý I là mức tăng trưởng cao nhất của nền kinh tế Mỹ trong vòng 30 tháng qua. Trong đó, tiêu dùng trong nước đã tăng 4,8%, cao hơn nhiều so với mức 0,9% của quý IV/2005.

Trong quý II/2006, theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, nền kinh tế Mỹ đã đạt mức tăng trưởng 2,6%. Tuy nhiên, mức tăng trưởng này vẫn thấp hơn so với dự báo 3% được đưa ra trước đó và

thấp hơn nhiều so với mức tăng 5,6% của quý I/2006. Điều này chứng tỏ nền kinh tế Mỹ đã có dấu hiệu tăng trưởng chậm lại. Cũng theo báo cáo này, trong quý II/2006 (kết thúc vào ngày 30/6), tốc độ tăng tiêu dùng của Mỹ chỉ tăng với mức 2,6%, thấp hơn nhiều so với mức 4,8% trong quý I. Trong đó, tiêu dùng trong lĩnh vực phần mềm và thiết bị giảm 1,6%, trái ngược với mức tăng trưởng mạnh mẽ trong quý I là 5,6%. Hoạt động buôn bán nhà đất cũng giảm đến 9,8%. Trong khi đó, giá dầu mỏ trên thế giới luôn ở mức cao khiến cho giá cả các mặt hàng thiết yếu như thực phẩm và nhiên liệu tăng mạnh. Riêng trong quý II/2006, tỷ lệ lạm phát đã tăng lên 2,7%, cao hơn mức 2,2% trong quý I.

Trong hai quý đầu năm 2006, nền kinh tế Mỹ đạt tốc độ tăng trưởng cao, chủ yếu là do có những chuyển biến tích cực về việc làm. Thị trường lao động đã đạt tốc độ tăng trưởng khá hơn trong năm 2006 với việc bổ sung thêm hơn 2 triệu việc làm mới. Các nhà phân tích kinh tế cho rằng, có hai lý do để giúp nền kinh tế Mỹ tăng trưởng vững chắc trong nửa đầu năm 2006 là tỷ lệ thất nghiệp đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua khi sản xuất tăng mạnh trong bối cảnh nước Mỹ đang dần dần đa dạng hóa nguồn năng lượng đầu vào của mình.

Kinh tế Mỹ bắt đầu tăng trưởng chậm lại trong nửa cuối năm 2006 do áp lực lạm phát gia tăng, thâm hụt cán cân thương mại vẫn tiếp tục bị nới rộng.

Chính sách thắt chặt tiền tệ của Fed dường như đã bắt đầu có tác động đến nền kinh tế. Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, trong quý III/2006, kinh tế Mỹ chỉ tăng 2,2%, thấp hơn so với hai quý đầu năm. Cũng trong quý III/2006, tỷ lệ lạm phát chủ yếu của Mỹ (không tính giá năng lượng và lương thực) đã tăng 2,2%, thấp hơn so với mức tăng 2,7% trong quý II/2006.

Các chỉ số kinh tế thực tế cho thấy, tốc độ tăng trưởng kinh tế trong quý III/2006 của Mỹ là ở mức thấp nhất trong gần 4 năm qua, chủ yếu là do sự suy giảm của ngành kinh doanh nhà đất. Bên cạnh đó, tỷ lệ lạm phát gia tăng đã làm cho các nhà kinh tế lo ngại về một viễn cảnh ảm đạm của nền kinh tế Mỹ. Tháng 11/2006, Chính phủ Mỹ đã phải hạ dự báo tốc độ tăng GDP cho năm 2006 xuống còn 3,1%, thấp hơn so với mức dự báo tăng trưởng đưa ra quý I/2006 là 3,4% và con số dự báo cho cả năm được đưa ra vào tháng 6/2006 là 3,6%.

Tuy nhiên, những số liệu kinh tế mới nhất vào cuối quý IV/2006 cho thấy rõ nền kinh tế Mỹ không thực sự giảm sút và ở trong tình trạng quá xấu như nhiều dự đoán vừa qua vào các quý trước đó. Chỉ số giá tiêu dùng cơ bản tháng 11/2006 đã bắt đầu tăng 0,2%, cao hơn so với mức 0,1% của tháng 10/2006. Nguồn vốn đầu tư vào Mỹ và sản lượng công nghiệp vẫn tăng ở mức cao. Tháng 11/2006 đã có tới 82,3 tỷ USD tiền trái phiếu dài hạn được bán ra cho các nhà đầu tư nước ngoài. Sản lượng công nghiệp cũng vì thế mà tăng 0,21% và điều này đã làm dấy lên hy vọng của Fed về quá trình "hạ cánh an toàn" của kinh tế, theo đó tăng trưởng chậm lại vừa đủ để kiểm soát tình hình lạm phát mà không đẩy nền kinh tế rơi vào tình trạng suy thoái. Sau một loạt báo cáo về kết quả hoạt động khả quan của nền kinh tế Mỹ, giới phân tích đã nhanh chóng nâng dự đoán về tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ. Trong đó, tăng trưởng kinh tế của Mỹ trong quý IV/2006 được dự đoán tăng từ 2,5% lên 2,8% (Theo như dự đoán của Morgan Stanley).

Mặc dầu những dấu hiệu khả quan xuất hiện vào tháng cuối năm 2006, nhưng cũng cần phải nhận thức được rằng những nhân tố tác động tích cực nêu trên là chưa đủ mạnh để có thể chấm dứt được tình trạng phát triển chậm lại của nền kinh tế Mỹ trong năm 2007, đặc biệt là những tháng đầu năm. Vì vậy, Fed vẫn đang theo dõi chặt chẽ mọi diễn biến của nền kinh tế Mỹ.

Thâm hụt thương mại vẫn là "điểm nóng" của nền kinh tế Mỹ

Một trong những điểm đáng chú ý của nền kinh tế Mỹ năm 2006 là mức thâm hụt thương mại của Mỹ luôn biến động đã có thời điểm giảm xuống mức thấp nhất trong 5 năm qua kể từ đầu năm 2000 tới nay.

Theo thống kê của Bộ Thương mại Mỹ cho thấy, mức thâm hụt thương mại của nước này trong tháng 3/2006 đã giảm 5,6% so với tháng 2/2006, từ mức 65,6 tỷ USD xuống còn 62 tỷ USD. Tuy nhiên, trong tháng 4 thâm hụt thương mại của Mỹ lại tăng 2,5%, lên mức 63,4 tỷ USD. Nguyên nhân là do nhập khẩu dầu mỏ và nhập khẩu hàng hóa rẻ từ Trung Quốc. Mặc dù mức thâm hụt này vẫn thấp hơn mức dự đoán 65 tỷ USD của giới phân tích, song tháng 4 là tháng có mức thâm hụt cao nhất kể từ đầu năm. Nhập khẩu trong tháng 4 tăng thêm 1,3 tỷ USD trong khi xuất khẩu lại giảm 0,3 tỷ USD. Trong đó nhập khẩu dầu thô của Mỹ tăng tới 1,44 tỷ USD so với tháng 3, lên mức 23,8 tỷ USD, chủ yếu là do giá dầu mỏ tăng trên 75 USD/thùng.

Bước sang tháng 5, thâm hụt thương mại của Mỹ vẫn tiếp tục xu hướng gia tăng nhưng không đáng kể, chỉ tăng 0,8%, ở mức 63,8 tỷ USD so với mức 63,4 tỷ USD của tháng 4. Sự gia tăng này là kết quả chủ yếu từ việc giá dầu thô nhập khẩu trong tháng 5 đã tăng thêm 4,92 USD/thùng, lên đến 61,74 USD/thùng. Trong tháng 5, nhập khẩu dầu mỏ của Mỹ đạt 27,9 tỷ USD, tăng 4 tỷ USD so với tháng trước. Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, xuất khẩu của Mỹ

trong tháng 5 đã tăng 2,4%, lên tới 118,7 tỷ USD. Đây là mức xuất khẩu lớn nhất trong vòng 17 tháng trở lại đây. Tuy nhiên, nhập khẩu chỉ tăng 1,8%, đạt mức 182,5 tỷ USD. Tính chung trong 5 tháng đầu năm 2006, thâm hụt thương mại của Mỹ lên tới 763 tỷ USD, tăng 6,5% so với cùng kỳ năm ngoái. Các nhà phân tích lo ngại rằng mức thâm hụt thương mại của Mỹ có thể sẽ còn tăng lên nữa, khi giá dầu mỏ vẫn còn tiếp tục leo thang trong những tháng tiếp theo của năm 2006.

Đúng như dự báo, trong tháng 7, theo thông báo của Bộ Tài chính Mỹ, thâm hụt thương mại Mỹ đã chạm ngưỡng cao kỷ lục từ trước đó là 68 tỷ USD, tăng thêm 3,2 tỷ USD so với tháng 6 (64,8 tỷ USD). Trước đó, các chuyên gia dự đoán con số trên ước tính chỉ vào khoảng 65,5 tỷ USD. Nhưng công bố của Bộ Tài chính Mỹ đã khiến nhiều người bất ngờ. Hai nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng trên là trong tháng 7 giá dầu thô nhập khẩu tăng, trong khi đó kim ngạch xuất khẩu của Mỹ giảm mạnh. Mỗi năm Mỹ tiêu thụ khoảng 5,7 tỷ thùng dầu thô và hơn 50% số này phải nhập từ nước ngoài. Giá dầu leo thang trong tháng 7 đã khiến kim ngạch nhập khẩu dầu của Mỹ tăng lên mức cao nhất từ trước đến nay là 28,5 tỷ USD. Ngược lại tình hình xuất khẩu lại rất ảm đạm. Việc xuất khẩu các mặt hàng chủ lực như máy bay, máy vi tính, dược phẩm, thiết bị y tế,... đều gặp khó khăn, kéo theo tổng kim ngạch xuất khẩu giảm 120 tỷ USD. Đáng chú ý là mức thâm hụt thương mại của Mỹ đối với Trung Quốc giảm nhẹ trong tháng 7, chỉ còn 19,6 tỷ USD.

Tuy nhiên, trong tháng 9/2006 thâm hụt thương mại của Mỹ lại giảm xuống ở mức 64,3 tỷ USD, giảm 6,8% so với mức 69 tỷ USD vào 8/2006. Đây chính là hệ quả của việc giá dầu thô nhập khẩu giảm đáng kể trong thời gian này. Tháng 9/2006, kim ngạch nhập khẩu của Mỹ đạt 187,5 tỷ USD, giảm hơn 2% so với tháng trước. Tuy

nhiên, kim ngạch xuất khẩu tăng 0,5% lên đến 123,2 tỷ USD, dẫn đầu là các sản phẩm năng lượng, vật liệu công nghiệp và máy bay dân dụng. Thâm hụt thương mại của Mỹ vẫn ở mức cao với 784,2 tỷ USD trong 9 tháng đầu năm 2006, tăng 9,4%, so với mức 716,7 tỷ USD của năm 2005. Giá nhập khẩu dầu thô của Mỹ trong tháng 9/2006 giảm hơn 2%, ở mức trung bình là 62,52 USD/thùng so với mức 66,12 USD/thùng trong tháng 8/2006.

Việc tăng kim ngạch xuất khẩu, giảm giá dầu và đồng thời với sự xuống giá của đồng đôla Mỹ trên thị trường quốc tế đã góp phần đáng kể vào việc kéo mức thâm hụt thương mại của Mỹ xuống. Theo báo cáo của Bộ Thương mại Mỹ, mức chênh lệch cán cân xuất nhập khẩu của Mỹ trong tháng 11/2006 giảm mạnh và đây là tháng thứ 3 liên tiếp thâm hụt thương mại của Mỹ với nước ngoài giảm. Có bốn nguyên nhân chủ yếu làm giảm thâm hụt thương mại của Mỹ trong tháng 11/2006, đó là: kim ngạch xuất khẩu máy bay thương mại tăng, giá nhập khẩu dầu thô trong tháng ở mức thấp nhất trong vòng 16 tháng qua (52,25 USD/thùng), đồng đôla Mỹ yếu so với các ngoại tệ, và kinh tế các nước phát triển nhanh hơn.

Thâm hụt thương mại của Mỹ trong tháng 11 là 58,2 tỷ USD, giảm 1% so với mức 58,8 tỷ USD của tháng 10/2006 và thấp hơn mức dự báo 59,9 tỷ USD của nhiều chuyên gia phân tích thị trường. Đây là mức giảm ngoạn mục nhất kể từ tháng 7/2005. Xuất khẩu hàng hoá dịch vụ của Mỹ trong tháng 11/2006 đã tăng gần 1%, lên mức kỷ lục 124,8 tỷ USD.

Trong 11 tháng đầu năm 2006, tổng thâm hụt thương mại của Mỹ với nước ngoài là 701,6 tỷ USD và dự kiến con số này trong cả năm 2006 là 765,4 tỷ USD, vượt con số 716,7 tỷ USD của năm 2005. Theo Bộ trưởng Thương mại Mỹ Carlos Gutierrez, hoạt động xuất khẩu khả quan cho thấy các chính sách thương mại của Chính phủ đang mang lại hiệu quả. Ông đang thúc giục Quốc

hội Mỹ khôi phục quyền đàm phán nhanh của Tổng thống (sẽ hết hiệu lực vào tháng 6/2007) để nước này có thể tiếp tục đàm phán các thoả thuận thương mại mở cửa thị trường. Trước xu hướng này, nhiều đối tác thương mại của Mỹ, trong đó có Nhật Bản, nên kinh tế lớn thứ hai thế giới, lo ngại Chính phủ Mỹ sẽ điều chỉnh lại chính sách kinh tế coi trọng cạnh tranh hiện nay và quay lại chủ nghĩa bảo hộ, đặc biệt là do ảnh hưởng của những thay đổi mang màu sắc chính trị với sự chiến thắng ngoạn mục của đảng Dân chủ sau khi giành lại đa số ghế tại Quốc hội Mỹ.

Chiến dịch tăng lãi suất của Fed

Hầu hết các chuyên gia kinh tế đều cho rằng, đà tăng giá của đồng đôla Mỹ trong năm 2006 sẽ chững lại và sau đó giảm dần, khi Fed chấm dứt chu kỳ tăng lãi suất cơ bản đã kéo dài trong năm 2005.

Thực tế, trong quý I/2006 đà tăng giá của đồng đôla Mỹ đã chững lại và giá USD giảm khá mạnh so với hầu hết các đồng tiền chủ chốt khác: giảm 2,6% so với đồng Yên và 2,4% so với đồng Euro. Tuy nhiên, trái với dự đoán của các nhà tài chính quốc tế, Fed đã tiếp tục tăng lãi suất do lo ngại nguy cơ lạm phát và giá dầu mỏ leo thang.

Ngay trong Hội nghị đầu tiên trong năm 2006 của Fed họp vào cuối tháng 1/2006, Fed đã quyết định tăng mức lãi suất cơ bản thêm 0,25%, lên mức 4,5%, nhằm giảm áp lực lạm phát và là lần tăng lãi suất thứ 14 kể từ mức thấp kỷ lục 1% hồi tháng 6/2004. Các chuyên gia cho rằng các quyết định tăng lãi suất của Fed trong những năm trước đã đưa nền kinh tế lớn nhất thế giới vượt qua thời kỳ khó khăn, nhưng cũng làm xuất hiện những dấu hiệu không ổn định của nền kinh tế Mỹ.

Ngay sau khi nhậm chức, tân Chủ tịch Cục Dự trữ Liên Bang Mỹ, ông Ben Bernanke đã khẳng định, lạm phát vẫn là một nguy cơ đối với nền kinh tế. Vì vậy, ngày 28/3/2006 Fed đã quyết định điều chỉnh tăng lãi suất cơ bản của

đồng đôla Mỹ, từ 4,5% lên 4,75%. Đây là lần tăng lãi suất đầu tiên dưới sự lãnh đạo của ông Ben Bernanke. Quyết định này cho thấy ông Ben Bernanke vẫn tiếp tục theo đuổi chính sách tiền tệ của người tiền nhiệm là tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Tuy mức lãi suất cao, nhưng đồng đôla Mỹ vẫn không thu hút được các nhà đầu tư, khiến nó xuống giá so với hầu hết các đồng tiền mạnh khác. Trong khi đó, những thông tin từ Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) về khả năng sẽ tăng lãi suất trong tháng 6 tới đã giúp đồng Euro được giá hơn trên thị trường tiền tệ thế giới.

Mặc dù đã "tuyên bố" trong báo cáo tháng 4/2006 về việc có thể dừng tăng lãi suất trong năm 2006, nhưng do nguy cơ lạm phát vẫn còn đe dọa nên vào phiên họp ngày 10/5/2006, Fed vẫn tiếp tục tăng lãi suất cơ bản lên 5%. Ngay lập tức, thị trường tiền tệ đã có những phản ứng trái chiều so với trước đây, thay vì tăng giá, đồng đôla Mỹ đã giảm giá mạnh. Tính đến hết tháng 5/2006, giá USD đã giảm 7,67% so với đồng Euro; 9,12% so với đồng Bảng Anh và 4,54% so với đồng Yên Nhật Bản. Sự sụt giảm của đồng đôla Mỹ xuất phát từ nguyên nhân chính là do các nhà giao dịch và phân tích tài chính quốc tế dự báo rằng chu kỳ tăng lãi suất của Fed kéo dài 20 tháng sắp kết thúc. Thêm vào đó, thâm hụt tài khoản vãng lai của Mỹ vẫn tiếp tục gia tăng trong những tháng đầu năm 2006. Điều này đồng nghĩa với việc đồng đôla Mỹ cần phải được chuyển đổi sang nhiều đồng tiền khác để chi trả cho hàng hoá nhập khẩu.

Cũng như các lần trước, Fed cho rằng cơ sở tăng lãi suất lần này là để giảm nguy cơ có thể dẫn đến lạm phát. Bên cạnh đó, Fed cũng muốn qua việc tăng lãi suất này để kiểm soát thị trường bất động sản và giữ giá năng lượng ở mức ổn định hơn. Trong thời gian tới nếu giá năng lượng còn tăng mạnh thì Fed có thể vẫn tiếp tục tăng lãi suất. Còn nếu nền kinh tế tăng trưởng chậm hơn dự báo, Fed có thể sẽ tạm ngừng việc tăng lãi suất.

Sau khi Fed tăng lãi suất cơ bản lên 5%, hầu hết các đánh giá đều cho rằng mức lãi suất 5% sẽ là mức cao nhất và Fed khó có thể tăng lãi suất hơn nữa do cần phải thực hiện chính sách tiền tệ nới lỏng để thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, những đánh giá đó có vẻ đã không còn chính xác khi báo cáo về lạm phát của Mỹ cho thấy tỷ lệ lạm phát vẫn tiếp tục gia tăng trong quý II/2006, lên tới 2,7%, cao hơn mức 2,1% trong quý I/2006. Chính vì vậy, sau cuộc họp định kỳ kết thúc vào ngày 29/06/2006, Cục Dự trữ Liên bang Mỹ một lần nữa lại tăng lãi suất cơ bản của đồng đôla thêm 0,25%, lên mức 5,25% và đây là lần thứ 17 trong vòng 5 năm qua. Sau quyết định tăng lãi suất của Fed, ngay lập tức các ngân hàng thương mại của Mỹ cũng tăng lãi suất tiền gửi từ mức 8% lên 8,25%. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 8/2001. Nguyên nhân của đợt tăng lãi suất lần này là do giá cả tăng vọt, sự tăng cao của giá nhiên liệu kéo theo sự bùng nổ về giá các nhu yếu phẩm, đặc biệt là diễn biến bất thường của giá dầu đang là vấn đề lo ngại nhất dẫn đến nguy cơ lạm phát.

Hơn 2 năm qua, lãi suất đồng đôla Mỹ liên tục được kéo lên nhằm kiểm soát lạm phát. Bên cạnh mục tiêu này Fed cũng không muốn chính sách lãi suất tác động xấu tới các hoạt động kinh tế. Để cân bằng hai mục tiêu trên, theo các nhà phân tích không phải là công việc dễ dàng. Tuy nhiên, lo ngại về tác động ngắn hạn đối với tăng trưởng kinh tế đã khiến các nhà hoạch định chính sách của Fed có thể quyết định ngừng chiến dịch tăng lãi suất để đánh giá lại các hoạt động kinh tế và lạm phát.

Và đúng như dự đoán, trong cuộc họp thường kỳ tháng 8/2006, Chủ tịch Ben Bernanke và hầu hết các đồng nghiệp khác của ông đều bỏ phiếu giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25% như trước đó. Điều này cũng có nghĩa là Fed đã tuyên bố chấm dứt chiến dịch tăng lãi suất kéo dài suốt từ năm 2004 đến nay.

Ngay lập tức, thị trường chứng khoán rất hồ hởi trước quyết định trên của Fed. Hầu hết các chỉ số chứng khoán đều tăng, trong đó chỉ số công nghiệp Dow Jones tăng tới 17,89 điểm, và đóng cửa ở mức 11.369,94 điểm.

Về phần mình, Fed cho biết sẽ vẫn kiểm soát tình hình lạm phát, đặc biệt theo dõi sát sao thị trường nhà đất vốn là một trong những nhân tố ảnh hưởng tới hoạt động chung của cả nền kinh tế. Mặc dù nền kinh tế Mỹ có những dấu hiệu không mấy lạc quan như nguy cơ lạm phát vẫn còn và tình trạng ế ẩm của thị trường nhà đất, nhưng tại các phiên họp thường kỳ tiếp theo cho đến hết năm 2006, Fed vẫn quyết định giữ nguyên lãi suất ở mức 5,25%. Các chuyên gia dự báo Fed sẽ giữ mức lãi suất này cho đến giữa năm 2007, sau đó tăng thêm lãi suất và sẽ giảm xuống mức 3,75% vào đầu năm 2008.

Như vậy có thể thấy trước sức ép của lạm phát, Fed đã phải liên tục cắt giảm lãi suất và điều này đã làm giảm tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ trong những tháng cuối năm. Chỉ trong vòng 6 tháng đầu năm, Fed đã tăng lãi suất 4 lần với mức tăng mỗi lần là 0,25%, từ mức 4,25% lên 5,25%. Lãi suất liên tục tăng đã làm thị trường bất động sản trượt dốc, kéo theo chỉ tiêu cho tiêu dùng giảm. Trong quá trình tăng trưởng GDP trong gần 5 năm qua, có 50% là đóng góp của ngành bất động sản. 70% tiêu dùng của người dân Mỹ là dựa vào hiệu ứng giá trị gia tăng của ngành bất động sản. Điều này tất yếu dẫn đến sự suy thoái của nền kinh tế Mỹ. Vấn đề lớn nhất mà Fed đang phải đối mặt là làm thế nào để có thể duy trì thế mạnh của đồng đôla Mỹ nhằm thu hút được các dòng vốn quốc tế và cân bằng nhập siêu. Nhìn từ tình hình kinh tế Mỹ hiện nay cho thấy, các rủi ro xuất phát từ việc chững lại của dòng vốn quốc tế sẽ có những tác động nguy hiểm tới nền kinh tế, bởi điều này xảy ra thì không những nhập siêu không được bù

đáp mà còn ảnh hưởng đến sự vận hành của nền kinh tế Mỹ và khiến đồng đôla Mỹ mất giá. Nhưng nếu lãi suất tăng lên 5,5%, thì thị trường nhà đất của Mỹ sẽ xuất hiện tình trạng đóng băng, tài sản đồng đôla Mỹ mất giá, đầu tư nước ngoài sẽ chạy khỏi nước Mỹ và sẽ dẫn tới khủng hoảng đồng đôla Mỹ.

Sự biến động của đồng đôla Mỹ

Bất chấp sự ra đi của ông Alan Greenspan và sự hiện diện của tân Chủ tịch Cục Dự trữ liên bang Mỹ, ông Ben Bernanke, trong năm qua đồng đôla Mỹ vẫn loay hoay không tìm ra lối thoát. Đồng tiền số 1 thế giới, một công cụ chi phối kinh tế toàn cầu của người Mỹ nay đang bắt đầu lung lay trước sự cạnh tranh của đồng Euro, của đồng Yên và cả đồng Nhân dân tệ. Fed với chức năng là một ngân hàng trung ương muốn đẩy giá trị của đồng đôla Mỹ lên. Song trong bối cảnh cán cân thương mại của Mỹ đang thâm hụt nặng nề thì mong muốn này của Fed vẫn chưa thể thực hiện được, và đồng đôla Mỹ vẫn tiếp tục chịu áp lực trước sức ép của một bên là đồng Euro và các ngoại tệ mạnh, và một bên là hàng hoá xuất khẩu từ Trung Quốc và các nước châu Á, chỉ chờ Fed nâng lãi suất là sẽ tràn vào thị trường lớn này. Đồng đôla mất giá làm giảm dòng đầu tư quốc tế đổ vào Mỹ và cùng với xu hướng đó, giới đầu tư cũng sẽ rời xa thị trường Mỹ vì lo sợ viễn cảnh không mấy lạc quan của nền kinh tế nước này. Để giữ được đồng đôla, Chính phủ Mỹ còn phải làm nhiều hơn nữa, trước hết là hạ giá dầu mỏ. Tuy nhiên, cho đến nay, đồng đôla Mỹ vẫn giảm trong khi giá dầu tiếp tục biến động cùng với sự gia tăng về cường độ các cuộc xung đột ở Iraq, nước có khả năng giúp Mỹ ổn định giá dầu.

Trong năm 2006, đồng đôla Mỹ có nhiều biến động nhưng nhìn chung là có xu hướng giảm giá. Tính chung từ đầu năm, đồng đôla đã mất giá so với 13 trong số 16 đồng tiền mạnh trên thế

giới. Điều này được coi là dấu hiệu của nền kinh tế đang suy giảm và củng cố dự đoán về việc Fed sẽ cắt giảm lãi suất trong năm 2007. Tại Tokyo vào ngày 28/12/2006, đồng đôla được giao dịch ở mức 118,79 Yên/USD và 1,3117 USD/Euro, giảm so với mức 118,87 Yên/USD và 1,3115 USD/Euro.

Tuy nhiên, các nhà phân tích kinh tế đều nhận định là đồng đôla Mỹ sẽ tiếp tục giảm xuống trong năm 2007 bởi nhiều nhân tố hỗ trợ làm tăng giá đồng đôla Mỹ không còn mạnh như trước nữa.

Thứ nhất, lãi suất cao là nhân tố quan trọng nhất dẫn tới sự tăng giá của đồng đôla Mỹ, thì cho đến hết năm 2006, lãi suất của đồng đôla hiện đã quá cao và khó có thể tăng thêm nữa. Trong khi đó, Chính phủ Mỹ lại khó có thể tăng cao lãi suất trái phiếu dài hạn, vì như vậy sẽ gây ra những rủi ro lớn cho thị trường bất động sản. Đây là nhân tố quan trọng khiến cho đồng đôla Mỹ có nguy cơ giảm giá so với các đồng tiền mạnh khác.

Thứ hai, sau nhiều năm duy trì mức lãi suất 2% (từ tháng 6/2003), Ngân hàng Trung ương châu Âu (ECB) đã phải nâng lên mức 2,75% nhằm kiềm chế lạm phát. Nhiều chuyên gia kinh tế cho rằng, ECB sẽ tiếp tục nới rộng biên độ tăng lên mức 0,5% trong các lần tăng lãi suất tới do áp lực của lạm phát ngày càng tăng. Thực tế, ECB đã tăng lãi suất cơ bản của đồng Euro lên mức 3,25% vào cuối năm 2007, và với tiến trình này thì chênh lệch lãi suất của Mỹ và châu Âu có xu hướng giảm xuống làm hạn chế các dòng vốn chảy vào Mỹ và điều này sẽ khiến đồng đôla Mỹ giảm giá.

Thứ ba, đồng đôla bị mất giá mạnh do cán cân thương mại của Mỹ ngày càng bị thâm hụt nặng nề và chưa có triển vọng phục hồi. Thâm hụt tài khoản vãng lai năm 2005 của Mỹ tăng hơn 715 tỷ USD, bằng 6,5% GDP, dự kiến sẽ tăng lên 7% trong năm 2006 và 10% trong 5 năm tới.

Thứ tư, triển vọng của đồng đôla Mỹ trong nhiều năm gần đây không rõ ràng và các ngân hàng trung ương ở các nước

châu Á cũng đã mua được một lượng lớn, nên khả năng các nước này tiếp tục mua đồng đôla cho dự trữ là tương đối thấp. Thực tế, một số ngân hàng trung ương đã bắt đầu chuyển sang mua đồng Euro nhằm đa dạng hóa nguồn dự trữ ngoại tệ của mình.

Với các lý do trên, các nhà phân tích khẳng định nhu cầu của đồng đôla Mỹ trên thị trường tài chính quốc tế sẽ giảm sút, đồng thời giá trị của đồng đôla Mỹ so với các đồng tiền khác của sẽ bị giảm theo trong thời gian tới.

Thị trường nhà đất đã ảnh hưởng xấu đến nền kinh tế

Trong những năm qua, sự thịnh vượng của thị trường bất động sản vẫn luôn là cột trụ đỡ nền kinh tế Mỹ. Lãi suất thấp đã giúp thị trường bất động sản mở rộng và đẩy giá cả lên cao, tạo ra khối tài sản khổng lồ làm động lực cho tăng trưởng kinh tế và đầu tư. Sự phụ thuộc của thị trường tài chính nói riêng và cả nền kinh tế nói chung vào thị trường bất động sản ngày càng lớn. Do đó sự biến động của thị trường nhà đất sẽ có những tác động không nhỏ tới nền kinh tế.

Trong vài năm gần đây bùng nổ trong thị trường nhà đất ở Mỹ đã đóng góp đáng kể vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ dưới nhiều hình thức. Tác động trực tiếp là thông qua bùng nổ hoạt động xây dựng nhà ở và mua sắm các thiết bị dùng cho hộ gia đình và tác động gián tiếp thông qua ảnh hưởng tích cực của việc tăng giá nhà đất đối với các hoạt động tiêu dùng khác. Sự thịnh vượng trong phát triển thị trường nhà ở sẽ dẫn đến việc tăng nhanh chi tiêu cho tiêu dùng cá nhân mà một phần sẽ thông qua nguồn vốn vay bất động sản (Mortgage Equity Withdrawal - MEW). Theo số liệu thống kê của Fed cho thấy trong năm 2005, tổng giá trị tài sản sinh lời của người Mỹ có nhà ở đạt 3.900 tỷ USD, chiếm 42% tổng thu nhập quốc dân.

Tuy nhiên, sự suy giảm trong thị trường nhà đất của Mỹ đã dẫn đến sự

giảm sút đáng kể hoạt động vay vốn bất động sản trong nửa đầu năm 2006 và sự giảm giá nhà đất vào nửa cuối năm 2006 cho thấy dấu hiệu tình trạng này vẫn có thể tiếp tục trong năm 2007.

Trong hai quý I và II/2006, vốn vay MEW của Mỹ giảm xuống còn 70 tỷ USD, so với 400 tỷ USD trong nửa cuối năm 2005, trong đó khoảng dưới 20% vốn vay MEW được sử dụng cho mục đích tiêu dùng và điều này cho thấy rõ dấu hiệu giảm sút đáng kể trong tiêu dùng về nhà ở của các hộ gia đình. Tỷ lệ tăng tiêu dùng thực tế hàng năm giảm từ 4,5% trong hai năm 2004-2005 xuống còn 2,7% vào tháng 8/2006. Sự giảm sút được thể hiện rõ nét nhất đối với những hàng hoá lâu bền, giảm từ 13,4% vào giữa năm 2005 xuống còn 3,4% vào tháng 12/2006. Sự giảm sút hơn nữa trong hoạt động xây dựng nhà ở và vay vốn chắc chắn sẽ ảnh hưởng không tốt tới tình trạng tiêu dùng đối với hàng hoá lâu bền trong năm 2007.

Sự đóng băng của thị trường nhà đất đã thổi một luồng hơi lạnh vào nền kinh tế Mỹ, làm tốc độ tăng trưởng sụt giảm nhanh chóng. Cùng với việc Fed liên tục tăng lãi suất, sự suy thoái của thị trường bất động sản cũng bắt đầu tăng nhanh. Điều này được thể hiện trên ba mặt: đầu tư vào nhà ở giảm mạnh, trong quý I/2006, đầu tư vào nhà ở giảm 0,3% và sang đến quý II/2006 giảm tới 6,3%. Doanh số bán các căn hộ mới xây trong tháng 7/2006 đã giảm 18% so với cùng kỳ năm trước và số căn hộ chưa bán được cũng tăng lên đến 40%. Số đơn xin vay tiền của ngân hàng mua nhà cũng giảm 1,2% trong tháng 7/2006. Theo Bộ Thương mại Mỹ, ngân sách đầu tư xây dựng nhà mới ở Mỹ đã giảm 17,4% trong quý III/2006 và là mức giảm lớn nhất từ đầu năm đến nay. Lượng giao dịch nhà xây mới trong năm nay đã giảm 21,6% so với cùng kỳ năm ngoái. Cũng theo báo cáo này, sự sụt giảm của thị trường nhà đất đã giáng một đòn nguy hiểm vào nền kinh tế trong quý III. Doanh số bán nhà mới ở Mỹ

trong tháng 10/2006 đã giảm 3,2% so với tháng 9/2006, xuống còn 1.004 triệu căn và là tháng thứ 3 giảm liên tiếp. Hiệp hội các nhà buôn bán bất động sản Mỹ (NAR) cho biết, giá nhà ở trung bình ở Mỹ trong tháng 10/2006 đã giảm 3,5% so với cùng kỳ năm 2005, xuống khoảng 221.000 USD/1 căn, mức giảm giá nhà ở lớn nhất hàng năm của Mỹ.

Theo các chuyên gia kinh tế dự đoán, sự sụt giảm của thị trường nhà đất sẽ lún sâu hơn nữa và sẽ còn tiếp tục trong năm 2007. Tình trạng đó sẽ làm tăng tỷ lệ thất nghiệp và làm cho người tiêu dùng chi tiêu dè dặt.

Thị trường lao động cũng là một nhân tố tác động đến sự gia tăng hay giảm sút của tiêu dùng cá nhân. Như một hệ quả tất yếu, các nhà bán lẻ phải giảm lượng nhân viên bán hàng và sự giảm sút của thị trường nhà đất sẽ làm giảm đi cơ hội việc làm cho người lao động trong lĩnh vực xây dựng không chỉ vào cuối năm 2006 mà có thể tiếp tục trong năm 2007.

Tuy nhiên, với những chỉ số thực tế cho thấy khu vực hộ gia đình của Mỹ hiện vẫn đang duy trì được tình trạng khả quan. Mặc dù cơ hội việc làm có giảm sút, nhưng tỷ lệ thất nghiệp cả năm vẫn đạt được ở mức thấp 4,6% và thu nhập hộ gia đình vẫn tăng trong năm 2006, từ 1,1% vào cuối năm 2005 lên tới 8,8% vào tháng 8/2006. Cùng với thu nhập hộ gia đình tăng, thị trường vốn vẫn tương đối ổn định trên cơ sở doanh thu của khu vực kinh doanh và các chính sách hợp lý trong lĩnh vực tài chính của FED. Cùng với việc nới lỏng những điều kiện về tài chính và những dấu hiệu tích cực trong hoạt động thị trường trái phiếu gần đây ở Mỹ, những nhân tố tích cực trên đây hy vọng sẽ giúp tình trạng trì trệ hiện nay trong thị trường nhà đất của Mỹ và kích thích tiêu dùng cá nhân nhằm vào mục tiêu tăng trưởng nhanh của nền kinh tế trong thời gian tới.

Triển vọng kinh tế Mỹ năm 2007

Theo nhận định của các chuyên gia của cơ quan dự báo kinh tế quốc tế Global Insight, năm 2007 kinh tế Mỹ sẽ

chỉ đạt mức tăng trưởng 2,3%, mức thấp nhất trong vòng 5 năm qua do nước Mỹ đang phải đối mặt với những khó khăn như thâm hụt ngân sách lớn, thị trường bất động sản đóng băng, lãi suất tăng cao. Tuy nhiên, họ vẫn hy vọng nền kinh tế Mỹ sẽ phát triển theo đúng mục tiêu mà Fed đề ra, đó là tốc độ phát triển kinh tế chậm nhưng vẫn kiểm chế được lạm phát và không gây xáo trộn nền kinh tế.

Theo Global Insight, trong năm 2007 nhiều ngành kinh tế của Mỹ sẽ gặp khó khăn. Các ngành liên quan đến nhà đất như xây dựng, sản xuất, mua bán đồ gia dụng, kinh doanh bất động sản, môi giới thế chấp... sẽ thiếu hơn một triệu việc làm trong hai năm tới do thị trường nhà đất chững lại sau 5 năm bùng nổ kinh doanh. Ngành chế tạo ô tô cũng sẽ bị tác động do các hãng ô tô đã hoàn tất kế hoạch cắt giảm lực lượng lao động trước sự cạnh tranh của các hãng ô tô nước ngoài. Sự ế ẩm của thị trường nhà đất, đặc biệt ở những thị trường lớn như California, là những nguyên nhân chính khiến tình hình kinh doanh của các tập đoàn lớn như General Motors (GM), Ford Motor hay Daimler Chrysler càng thêm ảm đạm. Ngoài ra nhu cầu tiêu thụ xe hơi giảm sút cũng là nguyên nhân khiến các nhà sản xuất gặp khó khăn hơn.

Theo các nhà kinh tế, vào khoảng giữa năm nay, Fed sẽ có các biện pháp đối phó với tỷ lệ thất nghiệp tăng cao bằng cách cắt giảm lãi suất tiết kiệm để thúc đẩy nền kinh tế. Lúc đó tỷ lệ lạm phát sẽ được giữ ở mức 1-2%, tỷ lệ mà theo Fed là thuộc phạm vi an toàn. Trong tuần đầu năm 2007, đồng đôla đã giảm giá xuống mức thấp nhất so với đồng Euro và đồng đôla cũng đã giảm giá so với toàn bộ 16 đồng tiền chủ chốt khác đang được giao dịch tại thị trường New York. Fed đã giữ nguyên lãi suất cơ bản 5,25% kể từ tháng 6/2006, sau 2 năm tăng liên tiếp. Tuy nhiên, 16 trong số 22 nhà kinh tế được Hãng tin tài chính Bloomberg thăm dò, tỏ ý tin rằng Fed sẽ cắt giảm lãi suất cơ bản xuống mức

4,75% vào cuối năm 2007. Nếu Fed đạt được mục tiêu này trong năm 2007, kinh tế Mỹ sẽ tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng khoảng 3% trong năm 2008.

Bên cạnh đó, một vấn đề đáng chú ý của nền kinh tế Mỹ là tình trạng thâm hụt ngân sách nghiêm trọng. Ngành nông nghiệp đã ngốn quá nhiều trợ cấp của chính phủ. Chỉ tính riêng trong năm 2005, Chính phủ Mỹ đã trợ cấp khoảng 15 tỷ USD để hỗ trợ về thu nhập, trợ giá cây trồng cho nông dân Mỹ và riêng trong năm 2006, khoản trợ cấp dành cho nông nghiệp của chính phủ đã tăng vọt lên 25 tỷ USD.

Tình trạng thâm hụt ngân sách quá lớn đã khiến Quốc hội Mỹ do Đảng Dân chủ chiếm đa số và Tổng thống Bush có những bất đồng về các giải pháp cân bằng ngân sách liên bang. Tổng thống Bush cho rằng chính sách cắt giảm thuế của ông đã tạo điều kiện cho nền kinh tế Mỹ phát triển mạnh trong thời gian qua, trong khi thâm hụt ngân sách Mỹ đang từng bước được cắt giảm. Trong khi đó, Chủ tịch Hạ viện Mỹ, bà Nancy Pelosi lại nói tới khả năng đưa ra dự luật tăng thuế đối với những người có thu nhập trên 250.000 USD/năm. Đảng Dân chủ cũng đang gây sức ép đòi áp dụng chế độ thuế bất động sản, khi chương trình cắt giảm thuế hiện nay hết hạn vào năm 2010. Để có thể cân bằng ngân sách liên bang vào năm 2012, trong khi vẫn duy trì được các chương trình cắt giảm thuế hiện hành, cả Quốc hội Mỹ lẫn Nhà Trắng đều phải cùng hạn chế chi tiêu.

Nhìn chung, kinh tế Mỹ đã tăng trưởng chậm lại trong năm 2006 do thị trường bất động sản chững lại và FED phải tăng lãi suất để kiềm chế lạm phát. Theo Hiệp hội các nhà kinh tế và kinh doanh quốc gia (NABE), kinh tế Mỹ có thể tăng trưởng 3,1% trong năm 2006. Dự báo, trong năm 2007, tỷ lệ thất nghiệp của Mỹ sẽ tăng lên so với mức trung bình (4,9%). Tuy nhiên, sức ép lạm phát giảm cũng có nghĩa là Fed không cần thiết phải tăng thêm lãi

suất. Rất có thể Fed sẽ giảm lãi suất hai lần (mỗi lần 0,25%) trong nửa cuối năm 2007. Mặc dù tốc độ tăng trưởng kinh tế của Mỹ chững lại, nhưng không vì thế áp lực lạm phát lại giảm xuống do công suất dư thừa trên thị trường sản xuất và lao động giảm bớt, trong khi giá năng lượng tăng cao bắt đầu tác động tới giá thành sản phẩm.

Dường như thời điểm huy hoàng nhất trong chu kỳ thịnh vượng của nền kinh tế Mỹ đã đi qua. Cho dù có áp dụng chính sách vĩ mô gì đi chăng nữa thì các nhà hoạch định chính sách của Mỹ cũng cần phải tính toán chính xác năng suất lao động trong nhiều tình huống khác nhau để vạch ra quy mô của các chính sách và lộ trình thực hiện. Điều này, dĩ nhiên là một nhiệm vụ khó khăn cho Fed và Fed cũng công khai thừa nhận đang lâm vào tình thế lưỡng nan trước mắt. Một mặt, lạm phát tăng cao sẽ làm tổn hại tới nền kinh tế. Mặt khác, Fed sẽ không thể kiểm soát được lạm phát nếu không tăng lãi suất. Tuy nhiên, nếu như thị trường bất động sản và giá dầu mỏ có những biến chuyển thuận lợi và không ảnh hưởng tới sức tiêu thụ nội địa, Fed có thể áp dụng chính sách kiểm soát vĩ mô một cách linh hoạt và nền kinh tế Mỹ có thể hạ cánh an toàn trong những năm tới ■

Tài liệu tham khảo:

1. Federal Reserve Bank of San Francisco's Reports: 9,10,12/2006. By the Federal Reserve Bank of San Francisco.
2. Monthly Reports of Bureau of Economic Analysis (BEA) - U.S Department of Commerce 2006.
3. Monthly Statistics and News of U.S Department of Labour 2006.
4. Commerce's FY 2006 Performance and Accountability Report - Office of Budget - U.S Department of Commerce.
5. The World Economic Outlook, September 2006 - IMF.
6. OECD Economic Outlook: No. 80 - Volume December 2006.
7. Bản tin kinh tế hàng ngày, Thông tấn xã Việt Nam, năm 2006.
8. Các bản tin của: Thời báo kinh tế Việt Nam, Thời báo Kinh tế Sài Gòn, năm 2006